**TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH KHOA CHÚ**

***Hòa thượng Thượng Tịnh Hạ Không chủ giảng***

***Năm 2014***

# **TẬP 66**

*Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi.*

*Mời mọi người cùng tôi quy y Tam Bảo:*

“***A Xà Lê tồn niệm***, ***ngã đệ tử Diệu Âm***, ***thỉ tùng kim nhật***, ***nãi chí mạng tồn***, ***quy y Phật Đà***, ***lưỡng túc trung tôn***, ***quy y Đạt Ma***, ***ly dục trung tôn***, ***quy y Tăng Già chư chúng trung tôn***.

***A Xà Lê tồn niệm***, ***ngã đệ tử Diệu Âm***, ***thỉ tùng kim nhật***, ***nãi chí mạng tồn***, ***quy y Phật Đà***, ***lưỡng túc trung tôn***, ***quy y Đạt Ma***, ***ly dục trung tôn***, ***quy y Tăng Già chư chúng trung tôn***.

***A Xà Lê tồn niệm***, ***ngã đệ tử Diệu Âm***, ***thỉ tùng kim nhật***, ***nãi chí mạng tồn***, ***quy y Phật Đà***, ***lưỡng túc trung tôn***, ***quy y Đạt Ma***, ***ly dục trung tôn***, ***quy y Tăng Già chư chúng trung tôn***”.

Mời xem “**Đại Kinh Khoa Chú**” trang 281, hàng đầu tiên “**Trí huệ đệ nhất Tôn giả Xá Lợi Phất**”. Chúng Thanh Văn được liệt kê trước đó là bậc Thượng thủ biểu pháp, người đầu tiên là Tôn giả Kiều Trần Như. Tôi đặc biệt muốn nhắc mọi người một chút, phải để ý đến ý nghĩa sâu xa trong sự biểu pháp của Tôn giả Kiều Trần Như. Dụng ý đó rất sâu, Ngài vì chúng ta biểu thị. Đồng học tu học pháp môn Tịnh Tông, bất luận là tại gia hay xuất gia, đều là đệ tử bậc nhất của Như Lai.

Hôm qua, tôi có báo cáo với các vị: trong nhà Phật không riêng gì Phật Thích Ca, mà cả hết thảy chư Phật Như Lai khắp mười phương ba đời, vô lượng pháp môn đều có Chánh Pháp, Tượng Pháp, Mạt Pháp và Diệt Pháp, đều có bốn giai đoạn này. Duy chỉ có Tịnh Tông, từ đầu đến cuối đều là Chánh Pháp. Điểm này chúng ta không thể không biết, vì sao? Trong kinh Đại Thừa đã nêu cho chúng ta một tiêu chuẩn, Tịnh Tông hoàn toàn tương ưng. Có giảng kinh, có nghe kinh, có tu hành, có chứng quả, đây gọi là Chánh Pháp.

Hiện nay có rất nhiều người học Kinh giáo Tịnh Tông, có người giảng kinh, có người nghe kinh, có người niệm Phật. Niệm Phật chính là tu hành, vãng sanh chính là chứng quả. Trước mắt đồng học niệm Phật, có năm nào không có người vãng sanh đâu? Có tháng nào không có người vãng sanh chứ? Rất nhiều người vãng sanh, thoại tướng vô cùng đẹp. Có một số biết trước ngày giờ, tự tại vãng sanh. Lúc nào cũng nghe thấy những chuyện đó, không hề giả. Đầy đủ bốn điều kiện này, đó chính là Chánh Pháp. Cho nên, Tịnh Tông là Chánh Pháp, đúng như danh hợp với thực, là pháp thuần chánh. Nhưng pháp môn này, đích thực chư Phật Như Lai đều nói, không phải ai đó nói một cách tùy tiện. Trong tất cả pháp môn, pháp này được gọi là pháp khó tin, nhưng lại rất dễ tu thành. Tuy là nói dễ, nhưng tuyệt không phải dễ dàng đến mức đó. Mỗi một người khi nghe đến pháp môn này, nếu có thể tin không hoài nghi, có thể phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, thật chịu niệm Phật, Phật sẽ đến tiếp dẫn người đó. Xem ra cũng rất dễ dàng, bất luận người tại gia, xuất gia, tôi cũng đã thấy qua không ít.

Thuở tôi giảng kinh ở Mỹ, tại Maryland, tôi có gặp được tiên sinh Chu Quảng Đại. Ba ngày trước khi vãng sanh, ông mới gặp được Phật Pháp. Cả nhà ông, một đời chẳng có tín ngưỡng tôn giáo. Ông mắc phải căn bệnh rất nặng, bệnh viện từ chối điều trị. Người nhà đến khắp nơi tìm tôn giáo, cầu thần, muốn thử xem liệu có kỳ tích xuất hiện không! Họ tìm đến chúng tôi, chúng tôi bèn cử đi bốn đồng học qua đó thăm ông. Họ gọi điện về nói với tôi: “*Bệnh tình quả thật rất nặng, e rằng tình hình không cách gì khá lên được*”. Vì thế, mọi người liền khuyên ông niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Kể với ông về y chánh trang nghiêm của Thế Giới Cực Lạc, không ngờ ông vừa nghe liền tin ngay. Ông dặn người nhà: “*Đừng đi tìm bác sĩ, thuốc men cho ông nữa, không cần thiết đâu*”. Ông yêu cầu toàn bộ người nhà niệm Phật tiễn ông vãng sanh. Lúc đó, tổ chức của chúng tôi mới thành lập được một năm, Hội Phật giáo Hoa Phủ thành lập vào năm 1983. Còn Chu Quảng Đại thì vãng sanh vào năm 1984, hội Phật giáo của chúng tôi thành lập được một năm. Chúng tôi cử đồng học thay nhau trợ niệm cho ông, ngày đêm không nghỉ. Cứ bốn người là một nhóm, tổng cộng ba nhóm. Mỗi nhóm trợ niệm tám tiếng, ngày đêm không gián đoạn. Ba ngày sau ông vãng sanh, thật sự vãng sanh. Lúc hỏa thiêu còn có xá lợi, thật là hiếm có. Chuyện này là chính mắt chúng tôi chứng kiến, ba ngày.

Trong kinh A Di Đà có nói: “**Hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày**”, thật tin mới được. Thật tin, thật nguyện chính là “Tâm Vô thượng Bồ đề”. Một lòng xưng niệm, không hề hoài nghi, không có âu lo, đây chính là “***Nhất hướng chuyên niệm***”. Có Tâm Bồ đề, nhất hướng chuyên niệm nhất định vãng sanh. Đây là nguyện thứ 18 của A Di Đà Phật, là một nguyện nằm trong 48 nguyện, thù thắng vô cùng, chúng tôi tận mắt chứng kiến.

Ngoài ra còn có một người vãng sanh nữa, là một bà cụ, tôi chưa nhìn thấy. Bạn bè của lão Thái Thái ở San Francisco, những bạn bè của cụ đều là người niệm Phật; lão Thái Thái này, quen với cụ đã được mấy mươi năm. Chồng của bà cụ qua đời rồi, mọi người đều từ Đài Loan sang Mỹ. Con trai đến Mỹ du học, sau khi tốt nghiệp thì làm việc tại Mỹ. Sau đó, kết hôn sinh con. Con trai bèn đón mẹ sang Mỹ để chăm lo các việc trong nhà. Người mẹ vẫn còn khỏe, mỗi ngày nấu cơm, giặt đồ cho các con, dọn dẹp nhà cửa với trông cháu. Sống ở Mỹ được khoảng 4-5 năm, cháu nội cũng vào nhà trẻ rồi, con trai và con dâu đều đi làm. Cả ngày, bà ở nhà chỉ có một mình, nên dễ tu hành. Một lòng chuyên niệm A Di Đà Phật, niệm được mấy năm. Sáng sớm mỗi ngày, bà đều thức dậy rất sớm, nấu bữa sáng. Con trai với con dâu ăn sáng xong thì đi làm, cháu thì gửi đến trường.

Hôm đó sáng sớm thức dậy, con trai và con dâu thấy, hôm nay bà cụ vẫn chưa dậy. Không có người nấu cơm sáng, nên cảm thấy kỳ lạ, đến phòng bà xem thử. Ở Mỹ, phòng của người già không có khóa, mở ra nhìn thấy mẹ cậu mặc áo tràng ngồi trên giường, ngồi xếp bằng trên giường. Gọi bà, bà không trả lời. Nhìn kỹ lại thì thấy đã bà đi rồi, trước đó chẳng hề nói với người nhà. Bà biết trước ngày giờ, bà để lại di chúc, trong di chúc viết rất rõ. Hơn nữa, hiếu phục cho con trai, con dâu và cháu nội đều đã làm xong đâu vào đó. Từng phần một đều xếp ở đầu giường, bà sắp xếp hậu sự xong xuôi cả rồi. Chí ít ba tháng trước đó, bà đã biết bà sẽ vãng sanh vào ngày nào, bà mới có thời gian chuẩn bị. Bà cụ không hề báo cho bất kỳ bạn bè đồng tu nào: “*Lúc nào tôi vãng sanh, mấy người đến tiễn tôi vãng sanh nhé*”, không hề nói một tiếng, không làm phiền mọi người.

Sau khi vãng sanh, gia đình báo tin đi nên mọi người mới biết. Công phu chân thật, một chút cũng không giả. Âm thầm lặng lẽ, nói đi là đi, không có chút đau bệnh nào. Trước đó một ngày, buổi tối hôm đó mọi thứ đều bình thường. Buổi tối hôm đó, đến sáng sớm ngày thứ hai thì cụ đi rồi. Vãng sanh lúc nào cũng không biết, chỉ thấy cụ chuẩn bị hậu sự của mình đâu vào đó, dặn dò kỹ càng; chứng tỏ bà biết trước ngày giờ. Bởi vậy, pháp môn này chân thật là đệ tử bậc nhất của Như Lai, là người thường sao? Không phải.

Trong kinh Đại Thừa có nói: phàm là người niệm Phật vãng sanh, chẳng luận thời gian dài hay ngắn. Thật sự được A Di Đà Phật đến tiếp dẫn, đều là trong vô lượng kiếp đời quá khứ đã từng cúng dường vô lượng chư Phật. Nên đời này gặp được Tịnh Tông, được oai thần chư Phật Như Lai gia trì. Bản thân thật sự “Tín, Nguyện, Trì Danh, cầu sanh Tịnh Độ”, nhờ đó mới có thể thành công. Nếu như không phải trong đời quá khứ đã trồng cái duyên sâu dày như vậy, thì chuyện đó không thể nào xảy ra được. Vì thế, giống như Chu Quảng Đại hay lão Thái Thái này vậy, đều không phải nhân vật đơn giản.

40 năm trước, chúng tôi sống tại khu vực Đài Loan, khu vực này cũng có một bà cụ, tên gì thì tôi quên mất rồi. Bà ở làng Tướng Quân, ngay sát Phật Quang Sơn, Phật Quang Sơn ở làng Đại Thụ. Làng Tướng Quân có một bà cụ niệm Phật được ba năm, đứng mà vãng sanh. Có một năm tôi ở Cao Hùng, hiệu trưởng của trường Đại học Trung Sơn có mời tôi đến bên đó diễn giảng một lần. Tôi đưa ra câu chuyện này, lúc đó trong số thính chúng, vẫn còn hai người nói với tôi. Họ bảo, đó là sự thật, họ là hàng xóm láng giềng của bà cụ đó, chính mắt nhìn thấy. Họ làm chứng cho tôi, đó đều là do trong vô lượng kiếp trước kia đã kết mối duyên sâu dày với Phật. Thế gian này không có chuyện gì là ngẫu nhiên cả.

Kinh A Di Đà nói rất hay: “**Không thể dùng một chút thiện căn, phước đức, nhân duyên mà sanh về được nước kia**”. Cho nên nhất định là nhiều thiện căn, nhiều phước đức, nhiều nhân duyên. Cái này không thể không xem trọng, bạn đừng khinh xuất xem thường mà bỏ qua, đó là sai lầm. Bản thân chúng ta thử nghĩ xem, “Thiện căn, Phước đức, Nhân duyên” của chúng ta có đủ không? Bản thân mình có thể hiểu rõ. Thứ nhất là tín tâm, đó có phải là thật tin không? Bạn có hoài nghi không? 99% tin tưởng, vẫn còn một phần hoài nghi thì không thể bảo đảm, chuyện này không dễ.

Làm thế nào để kiến lập tín tâm? Một là do thiện căn trong đời quá khứ, một là gặp được ở đời hiện tại. Gặp được rồi thì thế nào? Họ hoan hỷ, không những tin sâu không nghi, mà còn hoan hỷ vô lượng đối với pháp môn này. Họ tôn trọng, thật làm, thật có cái tâm tình này. Có thể nói, người đó có thiện căn, có phước đức, còn phải biết báo ân Phật. Làm thế nào để báo ân Phật? Chính là ta niệm Phật vãng sanh, làm ra tấm gương cho mọi người xem, để mọi người sanh khởi lòng tin. Đây chính là báo ân Phật.

Hải Hiền lão Hòa thượng của chùa Phật lai đã làm ra tấm gương tốt nhất cho chúng ta. Người trẻ tuổi cũng nên phát nguyện báo ân Phật, phải truyền thừa pháp môn Tịnh Tông này, phải để Tịnh Tông phát dương quang đại. Tịnh Tông chúng ta chỉ có một bộ kinh, một bộ luận, bộ luận này chính là bản chú giải, tập chú của lão cư sĩ hoàng niệm tổ. Một bộ kinh là bản hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư. Đây là Hải Hiền lão Hòa thượng tác chứng cho chúng ta, một câu Phật hiệu niệm đến cùng. Kinh luận mang lại lợi ích gì? Chính là giúp chúng ta phát khởi niềm tin, giúp chúng ta trong việc phát nguyện. Nếu chúng ta thật tin nguyện thiết, vậy thì kinh với luận có đọc hay không cũng không sao? Quan trọng nhất chính là một câu Phật hiệu. Kinh luận là nhằm giúp chúng ta nhận thức về Tây Phương Thế Giới Cực Lạc, cũng như hiểu biết về Thế Giới Ta Bà mà chúng ta đang sống hiện nay. Phải hiểu cho rõ hai thế giới này, bạn sẽ biết so sánh. Mai này bạn nên đi về đâu? Bạn sẽ chọn lựa con đường nào? Mục đích của kinh luận nằm ở chỗ này. Ta không có hoài nghi, ta hoàn toàn tin tưởng. Thế thì kinh luận đối với ta mà nói không còn quan trọng nữa, niệm Phật mới quan trọng. Nhưng niệm Phật, đây là pháp môn Đại Thừa.

Kinh Hoa Nghiêm có nói tám vạn bốn ngàn pháp môn, được thuyết bởi tất cả chư Phật Như Lai. Hay vô lượng pháp môn đều được xây dựng trên nền tảng của giới học, vì sao? Vì giới là gốc của Vô thượng Bồ đề. “***Nhân giới được định, nhân định khai huệ***”, đây là pháp môn chung, pháp môn Tịnh Độ cũng không ngoại lệ. Bạn xem, Hải Hiền lão Hòa thượng cả đời nghiêm trì Giới luật, cái Ngài trì là giới gì? Học hội Tịnh Tông của chúng ta, khi thành lập ở Mỹ vào thuở đầu tôi có viết một bài duyên khởi, có đề ra năm khóa mục dành cho hành môn, đó chính là Giới luật. Người tu Tịnh Độ nhất định phải tuân giữ, phải thực hành, đây là dành cho người cầu vãng sanh như chúng ta.

Thứ nhất là “Tịnh nghiệp Tam phước”. Những năm qua tôi vẫn thường nói ba cái gốc của Nho-Thích-Đạo, ba cái gốc này phải trồng từ đâu? Phước đầu tiên trong “Tịnh nghiệp Tam phước”, phước đầu tiên có bốn câu: “***Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu Thập Thiện Nghiệp***”, đây là bốn câu. Bốn câu này chính là ba cái gốc của Nho-Thích-Đạo. Chúng ta làm thế nào để thực tiễn hiếu thân tôn sư? Chính là áp dụng ngay nơi “Đệ Tử Quy”, phải thật làm. Từ tâm bất sát, thực tiễn nơi “Cảm Ứng Thiên”. Giáo dục nhân-quả, tu Thập Thiện Nghiệp, áp dụng ngay nơi “Thập Thiện Nghiệp Đạo Kinh”. Đây là ba cái gốc của Nho-Thích-Đạo. Nếu như không có những cái này, học Phật sẽ rất khó thành tựu. Nhiêu đây vẫn chưa đủ, đây chỉ mới là nền tảng mà thôi. Giống như chúng ta xây nhà lầu vậy, đây là nền móng. Có thể làm được điều này, yêu cầu phải làm được. Thực tiễn “Đệ Tử Quy”, “Cảm Ứng Thiên”, với “Thập Thiện Nghiệp Đạo” vào trong cuộc sống, vào trong công việc. Áp dụng vào xử việc, đối người, tiếp vật, các vị thử nhìn Hải Hiền lão Hòa thượng xem. Ngài làm được rồi! Ngài chưa hề học qua, nhưng Ngài thảy đều làm được.

Điều thứ hai trong “Tịnh nghiệp Tam phước”, Tịnh nghiệp Tam phước là nguyên tắc chỉ đạo cao nhất, quyết định không thể đi ngược lại. Điều thứ hai này có ba câu: “***Thọ trì Tam quy, cụ túc chúng giới, bất phạm oai nghi***”. Điều này được thiết lập trên nền tảng của phước thứ nhất. Không có phước thứ nhất sẽ không có phước thứ hai, đương nhiên càng không thể có phước thứ ba được.

Bạn xem “Thọ trì Tam quy”, hôm nay chúng ta mở quyển kinh ra, đầu tiên là đọc bài Tam quy. Tam quy là tổng cương lĩnh tu hành của chúng ta, chúng ta tu cái gì? Chính là tu Giác-Chánh-Tịnh, Giác-Chánh-Tịnh nằm ngay trên đề kinh của chúng ta, kinh Vô Lượng Thọ; thì một nửa phần sau của đề kinh nói về “Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác”. *Thanh tịnh* là giới, *Bình đẳng* là định, *Giác* là huệ. Giác chính là “Đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh”, trên đề kinh chính là Tam quy. Quy y Phật, làm thế nào để quy y Pháp? Trong “Lục Tổ Đàn Kinh” nói rất hay, Huệ Năng đại sư nói rất hay: “***Phật là người giác ngộ***”.

Giác mà không mê gọi là quy y Phật, chánh mà không tà gọi là quy y Pháp, tịnh mà không nhiễm gọi là quy y tăng. Chính là cái ý này! Chúng ta khởi tâm động niệm, lời nói việc làm phải nghĩ đến Giác-Chánh-Tịnh, mọi điều phải tương ứng với Giác-Chánh-Tịnh, đây mới thật sự gọi là “Quy y”. Trái ngược với Giác-Chánh-Tịnh gọi là mê tà nhiễm, đó là quy y với ba đường ác. Không phải quy y với Thích Ca Mâu Ni Phật, không phải quy y với Tây Phương A Di Đà Phật. Mấy cái này bạn phải nên biết.

Tôi ở Srylanka giảng kinh, bên đó là một quốc gia Tiểu Thừa. Pháp sư yêu cầu tôi đem “Kệ khai kinh” đổi thành bài “Tam quy y”. Tôi thấy cũng tốt, lời kiến nghị này không tệ. Đem bài “Kệ khai kinh” đổi thành bài “Tam quy y” càng có ý nghĩa hơn, tôi đồng ý rồi! Không được quên đi Tam quy, thực tiễn Tam quy chính là Giới luật, Giới luật chính là Ngũ giới Thập thiện và Sa di Luật nghi. Chẳng luận là người tại gia hay xuất gia, người tu Tịnh Độ buộc phải làm được những điều này.

Phước thứ ba là: “***Phát Bồ đề Tâm, thâm tín nhân-quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả***”. Đây là ba điều, 11 câu của Tịnh nghiệp Tam phước, nhất định phải làm được. Đi ngược với những điều này, đồng nghĩa bạn không phải học Phật, cái này quan trọng hơn bất cứ cái gì. Nếu như muốn phát tâm kế thừa Đạo Thống, mai này đi vào con đường hoằng pháp lợi sinh. Hoằng dương Phật Pháp thì giới rất quan trọng; không có giới, bạn chưa thọ giới, người ta sẽ không tin bạn. Định Hoằng pháp sư theo tôi đã mười mấy năm, lúc còn đi học ở Mỹ. Cậu ấy thường đến tìm tôi, sau khi tốt nghiệp thì giảng dạy ở Mỹ, trở thành giảng sư, đến phó giáo thọ, rồi lên đến chánh giáo thọ. Nhưng vẫn chưa nhậm chức chánh giáo thọ, thì cậu ấy đã theo tôi xuất gia học Phật rồi. Giảng kinh cũng rất khá, những năm qua rất chịu khó dụng công. Nhưng dẫu có giảng hay hơn nữa, người ta nói anh chưa học qua giới, người ta sẽ coi thường anh. Tôi bèn gửi thầy ấy qua bên Quả Thanh pháp sư, nói với thầy ấy rằng: “*Đây là điều mà Tổ Tổ tương truyền; người xuất gia phải có năm năm học giới, anh đến chỗ pháp sư Quả Thanh chăm chỉ học giới năm năm, năm năm sau hãy ra hoằng pháp lợi sanh, mọi người sẽ không bắt bẽ anh được*”.

Phật Pháp suy rồi, giới không còn; lễ nhạc không còn thì Nho liền suy; nhân-quả không có người tin tưởng, Đạo ắt không còn. Học Phật, thuở trước, trước khi học Phật phải học lễ cắm gốc nơi Nho gia, cắm gốc nơi Đạo. Sau đó mới có thể lên bậc thang của Phật, như thế mới có thể liên tiếp nâng cao. Nếu như không dùng Nho với Đạo, vậy thì buộc phải tu Tiểu Thừa. Đầu tiên là học giới Tiểu Thừa, sau mới học giới Đại Thừa. Đại học Long Hỷ của Srylanka chính là đại học Phật giáo, tôi có đưa ra kiến nghị với họ. Phải có năm năm học giới, bất luận là tại gia hay xuất gia. Không có năm năm học giới, Phật giáo không thể hưng khởi nổi, nhất định phải đi con đường của lão Tổ tông, phải chú trọng Giới luật. “Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, với Thập Nghiệp Thiện”, không có cái nền tảng này, thế coi như chẳng có thứ gì.

Phật Pháp suy rồi, chúng ta mai này phát tâm chấn hưng Phật giáo, bắt đầu dạy từ đâu? Chính là từ ba cái gốc này mà làm. Viện luật học của Đại học Long Hỷ cũng không ngoại lệ, cũng bắt đầu từ ba cái gốc này mà làm. Đầy đủ ba cái gốc này rồi, giới của đại Tiểu Thừa đều phải học. Như thế Phật giáo mới có thể hưng vượng trở lại, chúng ta mới chân thật là đệ tử bậc nhất của Như Lai. Cho nên, đối với Viện luật học, Giới luật cần thiết vô cùng, không phải tốt nghiệp từ Học viện Giới luật, thì không thể bước vào đại học Phật giáo. Đại học Phật giáo cũng phải thi, chính là thi Giới luật, đây là giáo trình chủ yếu của môn này.

Hôm nay có một đồng học, có để lại lời nhắn cho tôi. Họ nghe nói trong nước có một vị cư sĩ, tự xưng là người nghe lão pháp sư giảng kinh. Trong và ngoài nước, có rất nhiều người nghe tôi giảng kinh, đều nghe ở đài truyền hình vệ tinh hoặc nghe trên mạng; có rất nhiều thính chúng. Người này, họ giúp người khác trợ niệm. Đầu tiên họ dùng thời gian ba tiếng đồng hồ, chiêu gọi những quỷ thần có duyên với người chết. Cho triệu hồi quỷ thần lên, sau đó tiến hành trợ niệm. Người đó làm như thế đã được mấy năm rồi, nghe đâu còn cho xuất bản sách nữa. Đó không phải do tôi nói, tôi trước giờ chưa hề dạy mọi người làm như vậy, trợ niệm thì được phép. Nhưng đối với việc trợ niệm, làm như Ấn Quang lão pháp sư dạy chúng ta thì đó là chính xác. Chúng ta cứ y theo khai thị của Ấn Tổ, đừng dựa vào người khác, người khác chưa chắc đáng tin.

Như Hải Hiền lão Hòa thượng có dạy: “***Vãng sanh là việc của riêng mình,tự mình nhất định phải nắm chắc tự tại vãng sanh***”. Đây mới chắc ăn, trợ niệm không chắc ăn, không đáng tin. Cho nên, có người nói với Ngài, vì là chỗ bạn bè thân quen nên bảo: “*Khi nào sư vãng sanh, chúng con giúp sư trợ niệm*”. Ngài hoàn toàn cự tuyệt Ngài nói: “*Tôi không cần. Tôi vãng sanh, tôi có thể tự mình niệm Phật. Tôi không cần người khác trợ niệm, trợ niệm không chắc ăn*”. Câu nói này rất có ý nghĩa: trợ niệm không chắc ăn, nhất định phải chính mình nắm chắc. Chúng ta phải học theo Hải Hiền lão Hòa thượng, phải thật sự nắm chắc trong tay. Nắm chắc phần vãng sanh có được từ đâu vậy? Nắm chắc hoàn toàn nhờ vào buông xả. Bạn buông xả triệt để đối với cái thế giới này, không để trong tâm bất kỳ chuyện gì, bạn liền có thể tự tại vãng sanh. Nếu như vẫn còn vướng bận, có một việc vẫn không thể buông bỏ, rất có khả năng chuyện đó sẽ lôi bạn trở về lại sáu nẻo luân hồi. Đời này của bạn đi không nổi rồi!

Cho nên, nhất định phải triệt để buông xả, đặc biệt là tình thân. “Tài, Sắc, Danh, Thực, Thất tình Ngũ dục” phải buông sạch sẽ không sót thứ gì. Không thể có mảy may lưu luyến nào, trong tâm chỉ có mỗi A Di Đà Phật. Ngoại trừ A Di Đà Phật ra, không có tạp niệm, không có vọng tưởng. Người như vậy vãng sanh nhất định thành tựu, không có vấn đề gì. Người như vậy sanh trí huệ, không sanh phiền não, vì sao? Vì “***Nhân giới được định, nhân định khai huệ***”. Trì giới được tâm thanh tịnh, tu định được tâm bình đẳng. Trí huệ khai mở rồi, “đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh”.

Hôm nay, đây là vị tôn giả thứ hai, chúng ta rất quen thuộc đối với Ngài, chính là Tôn giả Xá Lợi Phất. Mời xem tập chú của Niệm lão: “**Tôn giả Xá Lợi Phất, chữ ‘xá lợi’ trong tiếng Phạn là chim Thu lộ, ‘phất’ trong tiếng Phạn là con**”. Cho nên, Xá Lợi Phất dùng Trung văn phiên dịch, chính là “Thu tử”. Cái này, bên dưới có giải thích: “**Tên Ngài đặt theo mẹ**”. Mẹ Ngài thân tướng đoan chánh, đôi mắt tựa như chim Thu lộ vậy, rất là sáng, đôi mắt rất đẹp. Cho nên, người khác gọi mẹ Ngài là Xá Lợi; phất là con, tức là con trai của phu nhân Xá Lợi. Chính là có ý như vậy, “***Nên gọi là con của bà Thu Lộ***” cũng có thể dịch là “châu tử”. Điều này biểu thị đôi mắt của mẹ Ngài thanh tịnh như viên bảo châu vậy. Ngài cũng có thể được gọi là “thân tử”, thân tướng của mẹ Ngài rất đẹp, đoan chánh. Cho nên, tên gọi này là do từ mẹ Ngài mà ra.

“**Xá Lợi Phất là bậc trí huệ đệ nhất trong các Thanh Văn đệ tử Phật**”, bộ kinh này cũng muốn nói lên cái ý đó. Biểu pháp trong kinh, chúng ta khi mở một bộ kinh ra, xem thấy ý nghĩa biểu pháp. Đồng nghĩa nó cũng đại biểu cho bộ kinh, cho pháp môn đó. Bạn xem, bộ kinh này, pháp môn này: thứ nhất nói lên: “***Là đệ tử bậc nhất của Như Lai***”; thứ hai là trí huệ đệ nhất; thứ ba là thần thông đệ nhất. Những điều này đến biểu thị cho bổn kinh, chúng ta nhất định phải biết. Lúc Thích Ca Mâu Ni Phật giảng bộ kinh này, sự đặc thù của bộ kinh này ở chỗ: “***Có rất nhiều thính chúng, gồm tất cả đại Thánh***”. Bạn xem có “**Một vạn hai ngàn vị đại Tỳ kheo tụ hội**”, không phải thông thường chúng ta hay thấy là “**Một ngàn hai trăm năm mươi người tụ hội**” sao? Đó là kinh điển thông thường, kinh này với kinh Pháp Hoa giống như nhau. Kinh Pháp Hoa nói: “**Một vạn hai ngàn người**”. Chúng Thanh Văn được đề cập trong bổn kinh, cũng là “**Một vạn hai ngàn người**”, không hề khác biệt so với kinh Pháp Hoa. Chứng tỏ kinh này là bộ kinh lớn, không phải kinh nhỏ, là bộ kinh lớn nhất trong số các bộ kinh lớn. Vì sao? Bởi vì nó có đệ tử bậc nhất.

Hay nói cách khác, bộ kinh này vượt qua cả Pháp Hoa, hơn hẳn Hoa Nghiêm. Điều đó có thật không? Thật vậy, một chút cũng không giả. Hoa Nghiêm, Pháp Hoa tuy rằng tốt nhưng nếu bạn không phải là bậc thượng thượng căn, bạn sẽ làm không được. Nhưng nếu chúng ta gặp được kinh này rồi, chân thật có “Thiện căn, Phước đức, Nhân duyên”, bạn ở ngay trong đời này có thể vãng sanh, bất thối thành Phật. Quả thật là đệ tử bậc nhất của Như Lai, không hề giả chút nào. Thần thông trí huệ của đệ tử Như Lai, làm gì có chuyện không thù thắng được, không đời nào có cái lý ấy.

Phần sau sẽ bàn tiếp đến “**Trí huệ của Xá Lợi Phất**”. Lúc Ngài còn ở trong thai, cũng tức là mẹ Ngài mang thai Ngài, bà đột nhiên có được khả năng biện tài vô ngại. Cậu của Ngài là Câu Hy La, cũng là người chứng đắc A La Hán. Ngay dưới hội của Phật Thích Ca, khả năng biện tài của ông Câu Hy La là số một. Ông là người biện tài đệ nhất trong chúng đệ tử Thanh Văn, “***Tám tuổi là đã thăng tòa***” giảng kinh thuyết pháp, 16 nước lớn đều biết đến danh tiếng của ông. Hiện nay thường hay nói là “***Danh tiếng lẫy lừng***”, nổi tiếng thế giới. “***Trong vòng bảy ngày hiểu trọn Phật Pháp***”; do đó ông biện tài vô ngại, chị ông đương nhiên không tranh luận qua nổi ông. Nhưng khi chị ông mang thai, ông cùng với chị mình biện luận, thường thì bà lúc nào cũng thua. Cho nên, ông cảm thấy chị mình không thể có cái khả năng lớn như vậy. Mang thai đứa trẻ này, nhất định đó là một người có trí huệ tuyệt đỉnh, cho nên ông cậu phải nỗ lực. Vì nếu không nỗ lực, sau này cháu trai chào đời, cậu lại không bằng cháu, thì chuyện này mất mặt biết mấy. Bạn xem, ông cậu đã nghĩ đến chuyện như vậy rồi.

Số tài liệu tham khảo được soạn thảo một cách tỉ mỉ này, là do các đồng học đã hạ một phen công phu, làm ra bộ sách này, gọi là “**Tịnh Độ đại kinh khoa chú, tài liệu tham khảo”. Những tư liệu tham khảo chi li đều có hết trong này, các vị có thể tự mình đi tìm xem. “Kinh này nói đến pháp mà hết thảy thế gian khó tin được; chỉ có bậc đại trí mới có thể tin tưởng sâu xa chẳng nghi ngờ. Vì vậy, tên Ngài được kể ở đầu kinh ngay sau Ngài Kiều Trần Như**”. Cho nên bạn thấy sự biểu pháp của mấy vị này, quá đỗi thù thắng. Chúng ta may mắn gặp được bộ kinh này, là “***Một ngày hy hữu khó gặp trong vô lượng kiếp***”. Lời này là do cư sĩ Bành Tế Thanh vào đời nhà Thanh nói ra. Bành cư sĩ là người thuộc vào triều đại vua Càn Long, là bậc Thông tông Thông giáo, Hiển Mật viên dung, là bậc đại Thiện tri thức trong Phật môn. Ông không có xuất gia, nhưng có sự đóng góp rất lớn đối với Phật giáo, ông chú giải cho kinh Vô Lượng Thọ. Cho nên, ông cũng được liệt vào hàng Thượng thủ trong nhà Phật. Điều đó chứng tỏ: chân thật tin tưởng, thật sự không hoài nghi, người này là người có trí huệ đệ nhất.

Chúng ta xem tiếp một vị tôn giả nữa: “**Tôn giả đại Mục Kiền Liên, thần thông đệ nhất**”. Chúng ta xem chú giải của Niệm lão: “**Tôn giả đại Mục Kiền Liên, chính là Ngài Ma Ha Mục Kiền Liên. Trong kinh A Di Đà, Ma Ha là tiếng Phạn, có nghĩa là lớn; Mục Kiền Liên là họ**”. Dịch là: “***Tán tụng, hay Thái thúc, hoặc là Lai phục căn***”, có mấy nghĩa như vậy. Dòng họ nhà này có rất nhiều người đi xuất gia “***Nên trước tên của Tôn giả thêm vào chữ đại, thành đại Thái thúc***” (tức đại Mục Kiền Liên). Dùng cái này để phân biệt: “***Tên Ngài là Câu Luật Đà, cha tên Tướng Quốc***”. Ngài thuộc dòng dõi quý tộc xuất gia, cha Ngài là thừa tướng. “***Cầu con từ Thần cây Câu luật đà sanh được Ngài, nên đặt tên như thế***”, nên tên của Ngài là Câu luật đà, là do cha của Ngài đến Thần cây Câu luật đà để mà cầu con. Cuối cùng quả thật sanh được một người con trai, cho nên mới dùng tên của cái cây này mà đặt tên cho Ngài. Trong số đệ tử của đức Phật, Ngài có thần thông đệ nhất. Biểu pháp của Ngài là đại biểu cho thần thông “**Trí Độ Luận viết: Như Xá Lợi Phất là bậc trí huệ đệ nhất, Mục Kiền Liên thần túc đệ nhất; Xá Lợi Phất là đệ tử bên phải Phật; Mục Kiền Liên là đệ tử bên trái, tôn giả thần thông rất rộng**”. Hai người đệ tử đứng bên phải và bên trái của Phật Thích Ca cũng là biểu pháp, biểu cái gì vậy? Đại biểu cho trí huệ đệ nhất và thần thông đệ nhất của Phật Thích Ca. Cho nên, khi tạc tượng của Thích Ca Mâu Ni Phật, có hai vị thị giả bên cạnh: một là Xá Lợi Phất, một là Mục Kiền Liên; nó có ý nghĩa biểu pháp trong đó. Vì sao không tạc người khác? Ở trong Giáo hạ đều dùng các ngài để biểu pháp, cũng có nơi dùng ngài Ca Diếp với ngài A Nan; Ca Diếp với A Nan là biểu pháp cho giáo. Cho nên bức tượng này, bạn thấy hai bên của Thích Ca Mâu Ni Phật, là ngài Ca Diếp và A Nan, đây là biểu pháp cho Phật giáo. Ca Diếp tượng trưng cho Thiền Tông, A Nan tượng trưng cho Giáo hạ. Thiền Tông, Giáo hạ chính là do hai vị tổ này truyền lại.

Thủy tổ của Giáo hạ là ngài A Nan, thủy tổ của Tông môn là ngài Ca Diếp; thảy đều mang ý nghĩa biểu pháp, chúng ta nhất định phải biết. Dùng Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên, chính là đại biểu cho trí huệ đệ nhất và thần thông đệ nhất của Phật Thích Ca. Đây là tượng trưng cho trí đức của Thích Ca Mâu Ni Phật. “Trí” do Xá Lợi Phất làm đại biểu, “Đức” do Mục Kiền Liên làm đại biểu. Đại trí đại đức, Tôn giả thần thông rất rộng “**Chẳng hạn như: đem toàn bộ người họ Thích trong một thành bay lên trời phạm thiên**”, cái này đều có điển tích đàng hoàng. “**Ngoại Đạo dời núi, Ngài chế ngự khiến núi chẳng lay động; hàng phục rồng độc,v.v...**”, đều có hết trong tài liệu tham khảo, chúng tôi không cần thiết nói ra làm gì.

Để tiết kiệm bớt thời gian, nói sơ lược qua một chút dòng họ Thích. Thì đó đều là nhân-quả báo ứng, tộc Thích Ca bị vua Lưu Ly tiêu diệt. Khi Phật còn tại thế, Thích Ca Mâu Ni Phật cũng không cách gì cứu được dòng họ của mình. Vì sao vậy? Vì đó là nhân-quả. Phật kể ra tiền nhân, hậu quả của sự việc này. Trong một kiếp lâu xa trước đó, tộc Thích Ca là một nhóm người đi đánh bắt cá, dựa vào đánh bắt cá để sinh sống. Vua Lưu Ly là một con cá trong cái ao đó, người của tộc Thích Ca đã bắt sạch hết cá trong cái ao đó. Cái đó gọi là “*Tóm gọn một mẻ, không chừa lại con nào*”. Con cá ấy phát ra lời thề quyết phải báo thù cho bằng được. Sau này nếu nó được làm người, nó có khả năng nó sẽ báo mối thù này. Ai ngờ đời này gặp nhau rồi, vua Lưu Ly chính là con cá Đầu Đàn trong bầy cá đó. Giống như là lãnh đạo vậy, trong cái tộc đó, ông giống như một vị vua vậy. Còn tộc Thích Ca lúc đó là ngư phu, cũng coi như không tệ. Đời này vẫn còn được sanh vào cõi Người, oan gia trái chủ lại gặp nhau rồi.

Thế Tôn biết được chuyện này, bèn khuyên tộc Thích Ca đừng nên đối chọi lại. Vì sao? Vì quân địch quá mạnh, đối phó không lại. Đức Phật khuyên mọi người đi lánh nạn để bảo toàn mạng sống. Vì thế, tộc Thích Ca đã trốn sang dãy núi Hy Mã Lạp Sơn. Đến Tây Tạng, ở vùng đất phía sau Tây Tạng. Sau khi đến vùng Hậu Tạng, mới dừng chân sống ở đó, về sau không bao giờ quay trở về nữa. Chuyện này Chương Gia đại sư có kể với tôi, hậu duệ của tộc Thích Ca nằm ở Tây Tạng. Mục Kiền Liên có thần thông, Ngài muốn cứu lấy tộc Thích Ca, bèn dùng bát của mình. Hình như là đựng 500 người trong chiếc bát ấy đưa lên cõi Trời, vì muốn cứu lấy cái tộc này. Nhóm người này, dù chỉ là con số nhỏ thôi, vì những người đó đều thuộc Hoàng tộc.

Ngài nói với Thế Tôn, Ngài dùng thần thông cứu được 500 người, đức Phật bèn bảo Ngài: “***Ông đi coi lại xem***”. Ngài đến Cung Trời, nhìn thấy người ở trong bát, toàn bộ đều biến thành máu. Phật mới nói: “**Đó là định nghiệp, không cách gì cứu được**”. Đến thần lực của Phật cũng không cách gì cứu được, mà A La Hán có thần thông đệ nhất như Ngài cũng không thể cứu được họ. Họ vì chúng ta thị hiện rằng: “**Định nghiệp là không thể thay đổi**”. Đức Phật muốn nói với chúng ta một sự thật: “**Đừng nên kết oán thù với người khác**”. Kết oán với người ta, nếu như đối phương chân thật hận bạn thấu xương, dù họ có chết cũng không buông tha cho bạn. Vậy thì phiền phức lớn lắm, đời đời kiếp kiếp oan oan tương báo không bao giờ ngừng dứt, đó thật gọi là “*Khổ không nói nên lời*”.

Vua Lưu Ly tiêu diệt dòng họ Thích, cũng cho chúng ta một sự khải thị rất lớn. Chúng ta thật sự hiểu rõ ràng, tường tận rồi! Đời này không dám kết oán với mọi người nữa. “**Oan gia nên giải, không nên kết**”, nhất định phải biết điều đó. Người khác kết oán với ta, thật ra cũng không phải không có nguyên nhân của nó. Do đời trước đại khái ta đã đắc tội với họ, vậy thì đời này nhất định phải hóa giải. Họ hận ta, họ hủy báng ta, họ hãm hại ta, thậm chí giết chết ta, ta đều không hề oán hận. Không kết oán với họ, phải nên tha thứ cho họ, đừng so đo tính toán làm gì. Đời sau liền trở thành bạn bè tốt của nhau, sẽ không biến thành oan gia trái chủ đối nghịch nhau. Đây mới gọi là có trí huệ! Như vậy mới có thể chuyển được nghiệp báo. Nhỏ không “Nhẫn”, ắt hư việc lớn. Người khác không tốt với bạn một chút, bạn lập tức cho họ biết tay, trả thù người ta; người ta bèn ghi hận trong lòng, thế thì chuyện này phiền phức. Người nuôi hận trong lòng, đời sau hơn một nửa đều đọa vào ba đường ác. Khi nghiệp nơi ác đạo tiêu rồi, họ lại được làm người, không định là vào lúc nào gặp được. Ở đường súc sanh mà gặp nhau thì đôi bên sẽ tàn sát lẫn nhau. Đến cõi Người lại gặp nhau nữa, thì mối hận đó càng chất chồng thêm. Những chuyện kiểu đó, chúng ta phải nghiền nghẫm cho rõ ràng, cho tường tận, thông suốt.

Hãy học theo Hải Hiền lão Hòa thượng, lão Hòa thượng thật sự làm được rồi: “**Bồ Tát ở tại nơi nào, đều khiến cho hết thảy chúng sanh, sanh tâm hoan hỷ**”. Cả đời lão Hòa thượng không có chuyện người này là người tốt, hay người kia là người ác, không có chuyện đó. Ngài đối với mọi người đều là bình đẳng, đối đãi. Không có bất kỳ người nào không hoan hỷ, không có người nào oán hận Ngài. Cả đời chưa từng oán giận qua người nào, về mặt này chúng ta phải học tập theo lão Hòa thượng. Có một câu chuyện nho nhỏ kể về việc này, đó là Ngài đến thăm ruộng ngô, vừa hay gặp phải một chàng thanh niên đang ăn trộm ngô của Ngài. Người này vừa nhìn thấy Ngài, tay chân lóng ngóng, sợ sệt. Lão Hòa thượng bèn nói với anh ta, an ủi cậu ấy: “*Đừng sợ, anh cứ việc bẻ, lựa trái nào to mà bẻ*”, thế là Ngài liền quay người bỏ đi. Quả thật, trong tâm Ngài không có người nào là người xấu, người người đều là người tốt, chuyện nào cũng là chuyện tốt. Lão Hòa thượng cả một đời trồng trọt, Ngài khai khẩn được 14 mảnh đất hoang, tổng cộng khoảng hơn 100 mẫu. Ngài trồng lương thực, trồng rau, trồng cây ăn trái. Thảy đều dùng để bố thí cho mọi người; Ngài không có mang đi bán lấy tiền, đều dùng để cứu tế người nghèo khổ. Cho nên, người khác đến trộm ngô của Ngài, Ngài hoàn toàn là bố thí: “*Anh muốn bao nhiêu cứ việc lấy bấy nhiêu*”.

Bố thí ân đức một cách hoan hỷ, không kết oán thù; chỗ nào cũng đều là suy nghĩ thay cho người khác, chứ không hề suy nghĩ cho mình. Ngài luôn khiến mọi người vui vẻ, bố thí niềm vui cho mọi người, bản thân mình cũng vui, pháp hỷ sung mãn. Tha thứ cho kẻ khác là tiêu nghiệp chướng của chính mình. Không chịu dễ dãi với người khác, sau này bản thân mình cũng sẽ gặp phải bất lợi. Chướng ngại người khác chính là chướng ngại mình, cái lý này không thể không biết!

Chúng ta trong đời này, gặp phải thiện duyên ít, nghịch duyên nhiều, làm sao để xử lý? Nhất định phải thường tự phản tỉnh. “**Hành hữu bất đắc, phản cầu chư kỷ**”, phải bình lặng mà quan sát. Vấn đề luôn nằm ở bản thân mình, không phải người khác có vấn đề, luôn là bản thân mình có sai sót, mới khiến người khác đố kỵ chướng ngại, hủy báng phá hoại. Nhất định phải biết người khác không có lỗi, lỗi luôn tại mình. Không những đối với những oan gia trái chủ, không có lòng oán hận. Hơn nữa còn phải sanh lòng cảm ơn họ, vì sao? Vì họ thành tựu cho Nhẫn nhục Ba la mật của chúng ta. Thành tựu cho cơ duyên giúp chúng ta nghiêm túc phản tỉnh sửa sai, để đạo nghiệp đức hạnh của chính chúng ta có thể nâng lên. Nếu bạn suy nghĩ từ phương diện này, không những họ không có hại với chúng ta mà còn có ích cho ta nữa, giống như “Nhẫn nhục Tiên nhân” vậy!

Câu chuyện về “Nhẫn nhục Tiên nhân”, thông thường đều là xem được từ kinh Kim Cang, Ngài bị Ca Lợi Vương cắt xẻ thân thể. Còn câu chuyện tỉ mỉ hơn thì nằm trong kinh Đại Niết Bàn, kinh Kim Cang chỉ dẫn dụng ra mà thôi. Nhưng chú giải của kinh Kim Cang lại giảng rất cặn kẽ, Nhẫn nhục Tiên nhân là ai? Chính là tiền kiếp của Thích Ca Mâu Ni Phật, vua Ca Lợi chính là Tôn giả Kiều Trần Như. Ca Lợi là tiếng Phạn, dịch ra ý nghĩa Trung Quốc là “Bạo”, cường bạo. Vua Ca Lợi dùng lời Trung Quốc chính là một bạo quân. Nhẫn nhục Tiên nhân gặp ông, câu chuyện này rất đáng để mọi người phản tỉnh, Ngài nhẫn nhục Ba la mật, Ca Lợi Vương nói ông có thể nhẫn, vậy để ta thử xem thế nào? Ông bèn dùng dao cứ từng đao từng đao cắt lên khắp người Ngài. Trung Quốc chúng ta thường hay nói là lăng trì xử tử, hình phạt này là tàn khốc nhất, xem anh còn nhẫn nổi không? Ngài vẫn nhẫn, lại cắt tiếp. Cứ thế mãi đến sau cùng, Ngài vẫn có thể nhẫn. Hơn nữa còn nói với vua Ca Lợi: “*Sau này, tôi thành Phật tôi sẽ độ ông trước tiên*”. Vua Ca Lợi là tâm sân hận. Xử tử một người tu hành như vậy, dùng thủ đoạn tàn độc như vậy, nhưng Nhẫn nhục Tiên nhân là người có lòng cảm ân. Vì sao? Vì ông ta thành toàn cho Nhẫn nhục Ba la mật của Ngài. Nhẫn nhục Ba la mật viên mãn rồi, viên mãn nên Ngài thành Phật rồi.

Ngàn vị Phật trong hiền kiếp, Thích Ca Mâu Ni Phật được xếp vị trí số năm, di lặc đứng thứ tư. Bởi do Nhẫn nhục Ba la mật của Ngài viên mãn, nên Phật Thích Ca được thành Phật sớm hơn; Bồ Tát di lặc lại xếp ra phía sau, đứng vị trí thứ năm. Nếu như Nhẫn nhục Tiên nhân có lòng oán hận, không những không thể thành Phật, có lòng oán hận đều sẽ đọa vào Địa ngục. Thế coi như Ngài từ địa vị của Phật rớt xuống Vô Gián địa ngục, cho nên phải có thể nhẫn. Ngài từ vị Phật đứng thứ năm được đổi lên trở thành vị Phật thứ tư, Bồ Tát di lặc bị đẩy ra sau.

Cho nên chúng ta phải thường suy ngẫm! Nhẫn nhục sẽ được phước báu lớn, nhẫn nhục có thể hóa giải tội nghiệp nặng nề nhất. Tội nghiệp nặng nhất là gì vậy? Chính là “Phá hòa hợp tăng” mà trong “Giới kinh” có nói với chúng ta. Trong Ngũ nghịch có “***Giết cha, giết mẹ, giết A La Hán, làm thân Phật chảy máu và phá hòa hợp tăng***”. Đây là tội Ngũ nghịch, sẽ đọa vào địa ngục Vô Gián. Người nào có lòng oán hận cũng bị đọa vào ngục này.

Ngày nay, người phá hòa hợp tăng rất nhiều, rất phổ biến; mắt Phật nhìn thấy nên sanh lòng thương xót. Nếu như họ không hồi đầu sẽ không có ai có thể cứu được họ, nhất định phải tự mình quay đầu. Bản thân không chịu quay đầu, không chịu giác ngộ, nhất định là đọa vào đường ác. Chuyện này không thể không biết, chúng ta học Phật cầu vãng sanh không thể không nhẫn nhục. Nhẫn nhục thì tâm chúng ta mới có thể an, duyên của chúng ta mới có thể thù thắng, nghiệp mới có thể tiêu được. Không thể nhẫn nhục, ngày ngày đều tạo nghiệp, họ không thể tiêu nghiệp được. Đã vậy ác nghiệp còn ngày càng tăng thêm, làm sao mà gánh nổi chứ!

Học Phật nhưng là thật học Phật hay giả học Phật? Cái này mới là mấu chốt. Giả học Phật thì tiêu không nổi nghiệp chướng đâu, phải thật học Phật, thật học Phật! Hải Hiền lão Hòa thượng chính là tấm gương tốt nhất, tuyệt đối đừng cho rằng Ngài chỉ có một câu Phật hiệu, những thứ khác Ngài chẳng biết cái gì. Chúng ta học theo Ngài, có được tâm lượng của Ngài không? Có lão thật giống như Ngài không? Đối với người thì khiêm cung, đối với ai cũng đều cung kính. Trong cuộc sống, cả đời luôn sống thanh bần, lấy khổ làm thầy. Ngài bảo cái miếu nhỏ của Ngài, phải có thể trì giới, phải chịu được khổ mới có thể sống chung với Ngài được. Công việc mỗi ngày, từ sáng đến tối đều ở trong vườn. Đạo tràng của Ngài không có người cúng dường, cái miếu nhỏ dưới quê không người lui tới, không có hương hỏa.

Ngài cũng không làm Phật sự, cũng không tổ chức pháp hội. Vậy phải dựa vào cái gì để sinh sống? Dựa vào trồng trọt. Cái miếu nhỏ có được vài mẫu đất, ngôi chùa ấy nằm ở vùng hoang vu. Trên núi rất nhiều đất, lại vô chủ nên Ngài đi khai khẩn nó ra, gọi là khai hoang. Khai khẩn được hơn 100 mẫu, Ngài trồng lương thực, trồng rau, trồng cây ăn trái, thu hoạch rất tốt. Vì sao? Vì tâm Ngài tốt, Ngài trồng ra thứ gì nhất định là ngon hơn người khác. Thu hoạch ra Ngài dùng để làm gì? Ngài không phải bán lấy tiền, mà dùng để cứu tế người nghèo. Nơi nào có người không có cái ăn, Ngài liền tiếp tế cho người ta. Công việc này Ngài làm suốt 92 năm.

Thật làm, mỗi ngày đều làm hết sức hoan hỷ, vui vẻ. Những người tiếp nhận sự cúng dường của Ngài, trong bản báo cáo này nói với chúng ta, con số lên đến ngàn vạn người. Bạn liền biết, lão Hòa thượng thường thích bố thí. Người khác cúng dường Ngài tiền, Ngài đều dùng đi in kinh hoặc phóng sanh, hoặc dùng để giúp người khác xây dựng đạo tràng. Cả đời Ngài từng giúp xây dựng 11 ngôi đạo tràng, thật không dễ. Còn bản thân mình, ngoài mấy bộ quần áo ra thì chẳng có gì hết; quần áo đều bị rách, nên Ngài mặc toàn đồ vá. Cho nên Ngài nói: “*Cái miếu nhỏ này: Ăn là ăn khổ, mặc là đồ vá*”.

Tâm địa thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần. Ngoại trừ một câu Phật hiệu ra, trong tâm chẳng có gì hết. Nhìn thấy mọi người đều là người tốt, thấy mọi việc đều là việc tốt. Ngài không có phân biệt, không có chấp trước. Không những không phân biệt, chấp trước, tôi tin sau tuổi trung niên cũng tức là Ngài sau 40 tuổi, khi sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần, có thể Ngài làm được đến “Không khởi tâm, không động niệm”. Không khởi tâm, không động niệm chính là “Đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh”. Đây không phải điều mà một người bình thường có thể làm được. Ở vào cảnh giới này đồng nghĩa có viên mãn cả định lẫn giới, có viên mãn cả Đạo lẫn Giới. Đây đều là những chuyện chúng ta không thể không biết!

Những sự việc nói lên thần thông của Mục Kiền Liên, Niệm lão ngay chỗ này nói rất hay: “***Bay lên trời phạm thiên, ngoại Đạo dời núi, Ngài chế ngự khiến núi chẳng lay động, hàng phục rồng độc,v.v... Những sự như vậy khó lòng thuật đủ***”. Quá nhiều rồi, những câu chuyện kể về thần thông của Ngài quá nhiều.

Chúng ta xem tiếp vị thứ tư “**Sơ tổ Tông môn: Tôn giả Ca Diếp**”. Mời xem chú giải của Niệm lão: “**Tôn giả Ca Diếp, Ca Diếp là họ**”, đây được dịch theo âm tiếng Phạn: “**Tàu dịch là Quy**”. Người Ấn Độ đối với rùa cũng như người Trung Quốc vậy, đều xem nó như loài vật mang ý nghĩa cát tường, trường thọ. “**Quy hạc diên niên**” là vật cát tường, hoặc được dịch là “**Ẩm quang**”, ý nói ánh sáng trí huệ và đạo đức của Ngài rất mãnh liệt. Giống như ánh mặt trời vậy, dưới ánh sáng mặt trời, tất cả những ánh sáng khác đều không thể hiển lộ ánh sáng của nó được. Quang minh của Tôn giả Ca Diếp cũng như vậy. Người tu hành bình thường trước mặt Ngài sẽ không thể hiển lộ được.

“**Ngài tên tất ba la**”, tất la ba cũng là tên của một loài cây. Bởi vì cha mẹ Ngài ở dưới Thần cây cầu nguyện, cầu có một đứa con trai. Họ thật sự có được một đứa con, nên cũng dùng tên cây đặt tên cho con. “**Tôn giả là con nhà trưởng giả đại phú**”, phía trước thì chúng ta thấy Mục Kiền Liên, Xá Lợi Phất đều là con nhà quyền quý. Cha của Mục Kiền Liên là thừa tướng, còn phụ thân của Tôn giả Ca Diếp là một đại phú trưởng giả. “**Bỏ cả gia tài lớn lao**”, có thể thấy Ngài sống trong cảnh xa hoa. Lại chịu xuất gia tu khổ hạnh, dám bỏ cả một gia tài kếch xù, “**Tu đại hạnh Đầu Đà**”. “Đầu Đà” là khổ hạnh, phần sau sẽ nói đến.

“**Được mọi người biết đến**”, chữ “Đại nhân” này là chỉ cho người có đạo đức, có địa vị, có thân phận. Hiện giờ người ta hay gọi là nhân vật danh tiếng, danh tiếng của họ lừng lẫy. Vì thế mọi người xưng Ngài là “Đại Ca Diếp”, vì lúc đó trong hàng đệ tử của đức Phật có tới ba vị Ca Diếp: có Thập Lực Ca Diếp, có Đồng Tử Ca Diếp và Đồng Nữ Ca Diếp. Bởi thế gọi Ngài là Đại Ca Diếp thì ai cũng biết, không phải chỉ người khác mà là chỉ Ngài.

“**Ca Diếp còn dịch là Quy, sách Pháp Hoa Văn Cú viết**”, Pháp Hoa Văn Cú là của đại sư Trí Giả vào đầu triều Đường, Ngài ở núi Thiên Thai. Đây là bộ sách do Trí Giả đại sư viết, bản này là chú giải của kinh Pháp Hoa. Đây là bộ kinh lớn chủ yếu nhất, là giáo trình bắt buộc phải tu của tông Thiên Thai. Trong đó có một đoạn nói rằng: “**Đời xưa học Đạo**”, đây là gia tộc của một đại phú trưởng giả. “Tổ tiên học Đạo”, cảm ứng được “**Rùa thiêng đội bản đồ tiên ứng hiện; tên dòng họ được đặt theo Đức**”, được rùa thần đội bản đồ, đây là cảm ứng. Cho nên, tộc của Ngài dùng rùa, dùng linh quy. Linh quy cũng mang ý nghĩa của từ Ca Diếp, “**Nên gọi là họ Quy, Ca Diếp còn dịch là Ẩm quang**”, đây là lời Phật nói.

Thuở quá khứ, vào thời đức Phật Tỳ Bà Thi, đây là một vị Phật trong 7 vị Phật thời quá khứ. Vào thời của Phật Tỳ Bà Thi, ngài Ca Diếp là “**Thợ luyện kim**”. “Dã” nghĩa là tinh luyện, cũng ý là từ mỏ vàng mà điều chế ra vàng thật, thời nay thì gọi là vàng bạc châu báu. Chính là từ cái ngành này, ngành này vô cùng hái ra tiền. Tỳ Bà Thi dịch sang ý nghĩa Trung Quốc gọi là thắng quan, thắng của thù thắng, quan của từ quan sát, hay quan của từ quan chiếu, thắng quan. Vào chín mươi mốt kiếp trước, bảy vị Phật này, đây là vào kiếp xa xưa trước đó. Trên kinh nói với chúng ta là vào chín mươi mốt kiếp trước, ngài Ca Diếp “**Cùng với một cô gái nghèo, dùng vàng ròng trang hoàng tượng Phật**”. Tạc tượng Phật, công đức tạo tượng là không thể nghĩ bàn. “**Từ đấy trở đi**”, tức là kể từ chín mươi mốt kiếp đến nay.

Phần dưới có nói: “**Trong chín mươi mốt kiếp, thân như vàng ròng; quang sắc chói lòa che lấp các sắc khác nên gọi là Ẩm quang. ‘Ẩm’ nghĩa là nuốt mất, ánh sáng của Ngài ‘nuốt’ mất các sắc khác**”. Đây chính là ý nghĩa của từ “Ẩm quang”, ánh sáng của Ngài rộng lớn hơn ánh sáng của người khác. Những người có ánh sáng kém hơn Ngài đều không thể hiển bày ra được. Giống như ánh đèn của chúng ta vậy, đều không thể hiển lộ ánh sáng của nó dưới ánh sáng mặt trời được. Ẩm quang chính là mang cái ý này, đây là muốn giới thiệu với chúng ta về lai lịch của danh xưng.

Phần sau, chúng ta sẽ nói đến đức hạnh của Tôn giả: “**Tôn giả hành Đầu Đà bậc nhất**”. Chữ “Hành” này, phát âm của nó không đọc là “Xíng” mà đọc là “Héng”. Chữ “Hành” ở đây đang sử dụng như một động từ chứ không phải danh từ, mà là động từ. Chúng ta thường gọi là “khổ hạnh”. “**Đầu Đà là tiếng Phạn, người hoa phiên âm là đẩu thấu, hoặc đào thải**”, mang cái ý như vậy. “**Vì mười hai hạnh ấy đào thải trần lao phiền não**”, đây được gọi là mười hai hạnh Đầu Đà. Bạn xem, ngài Ca Diếp tu hành như thế nào để dẹp bỏ hết mọi phiền não?

Thứ nhất, Ngài “**Ở chốn A Lan Nhã**”. A Lan Nhã là tiếng Phạn, dịch sang ý nghĩa Trung Quốc là “Chốn vắng lặng”, nơi này không có người lui tới, hơn một nửa đều sống trên núi. Vả lại, đường lên núi nhất định rất khó đi, đồng nghĩa người bình thường chẳng muốn đặt chân đến nơi này. Ở nơi này không nghe thấy tiếng người, đúng với tiêu chuẩn vắng lặng. Ở vào thời đại của Thế Tôn, ở dưới quê nông dân cày cấy sử dụng trâu bò. Tiếng trâu bò rống rất lớn, vùng đất đến tiếng bò rống cũng không nghe thấy, nơi đó được xưng là A Lan Nhã. Hiện nay, tiếng ồn nhiều hơn so với thuở trước, tiếng xe cộ, tiếng máy bay. Tôi sống tại Hồng Kông, có tiếng tàu thuyền, những âm thanh này đều thuộc về tiếng ồn. Nơi mà họ sống không nghe thấy tiếng ồn, nhờ đó tâm thanh tịnh, xa rời con người. Nông dân sống ở nông trang, nơi đây cũng cách xa nông trang.

Thứ hai là “**Thường hành khất thực**”, mỗi ngày họ đều ôm bát ra ngoài. Vì thế cũng không thể ở quá xa nông trại và các trấn nhỏ, vì nếu quá xa sẽ gây bất tiện trong việc khất thực. Theo quy tắc của đức Phật, đại khái cách khoảng ba dặm đường, ba dặm thì đi bộ vẫn khá tiện nhằm thuận tiện trong việc khất thực.

Thứ ba là “**Khất thực theo thứ tự**”, đây là nguyên tắc khi đi khất thực. Chẳng hạn nhà này giàu có, có tiền đồ ăn đều rất ngon. Ta ngày ngày đều đến đó khất thực, như thế rất dễ khởi tâm tham. Cứ theo thứ tự từng nhà tiếp nhau mà khất thực, hết một vòng lại bắt đầu lại. Lối khất thực như vậy; bình đẳng, chọn tiêu chí là bình đẳng.

Thứ tư là “**Ngày ăn một bữa**”. Nếu như là ba bữa, vậy thì một ngày phải khất thực đến ba lần. Người ta sẽ nói cái người xuất gia này tham lam, sao mà mới đó giờ lại đến nữa rồi? Mỗi ngày khất thực vào buổi sáng. Sáng sớm, sau khi làm xong công khóa sáng thì ra ngoài đi khất thực. Khất thực cũng là một bài khóa, có quy củ đàng hoàng. Cây tích trượng chính là vật dùng khi đi khất thực, bạn không được gõ cửa nhà người ta. Đến trước cửa lắc lắc cây tích trượng, người trong nhà nghe được tiếng của cây tích trượng; liền biết bên ngoài có người xuất gia đến khất thực, họ liền ra cúng dường. Đây chính là dụng ý khi dùng tích trượng. Sau khi khất thực xong xuôi, người ta hết cúng dường rồi, thế là vừa đi vừa ăn, chẳng có lễ tiết, không có oai nghi gì hết. Nhất định phải trở về chốn Lan Nhã của mình, về đạo tràng của mình rồi. Nếu như đạo tràng này quá đông người, không phải chỉ có một người. Mỗi người một túp lều tranh, hoặc ở trên núi, ven sông đều được; hoặc trú ở dưới gốc cây cũng được. Chẳng hạn như có năm vị Tỳ kheo, lúc đầu Thích Ca Mâu Ni Phật đến vườn Lộc Uyển độ cho năm người Tỳ kheo. Ngài tự mình dẫn dắt họ, cả thảy sáu người đều ra bên ngoài khất thực. Đến giờ cơm, mọi người sẽ trở về, mỗi người mang cơm trong bát của mình gộp chung lại với nhau. Hòa chung vào, người nào ăn bao nhiêu thì lấy bấy nhiêu. Nếu sau khi ăn xong vẫn còn thừa lại nhiều, thì đem bố thí cho mấy con vật như các loài chim nhỏ, côn trùng để chúng ăn, chứ không được để qua ngày hôm sau. Ăn xong rồi thì phần còn thừa lại đều đem đi cúng dường chúng sanh. Cho nên bảo là: “**Một bát cơm chứa cơm của ngàn nhà**”, chế độ này tốt!

Thứ năm là “**Ăn có chừng mực**”, bạn ăn bao nhiêu thì lấy bấy nhiêu nhưng không được ăn quá nhiều. Ăn uống tốt nhất là chỉ ăn bảy phần là được rồi. Đừng nên ăn quá no, như thế rất có ích đối với Đạo dưỡng sinh.

Thứ sáu là “**Sau giờ ngọ chẳng uống các thứ tương**”, vì sao? Vì trong các thứ tương có chất bã, có thể uống nước nhưng không được uống chất tương. Sau ngọ những thức uống mà có thể lắng bã đều không được dùng, lúc này coi như dùng bữa trưa cũng không được. Buổi trưa là từ mười một giờ đến một giờ, đây đều thuộc về buổi trưa. Còn chữ ngọ này là chánh ngọ của buổi trưa, cũng tức là lúc mười hai giờ. Qua khỏi mười hai giờ thì không được uống các thứ tương, giờ ngọ mỗi ngày đều khác nhau. Cho nên, thời xưa người ta dùng đồng hồ mặt trời, nhưng những ngày âm u thì dự đoán không chính xác. Hiện nay có thể dùng lịch Thiên văn, đài Thiên văn có phát hành lịch. Nếu mọi người cần có một số nơi vẫn có thể mua được. Mỗi ngày mấy phút mấy giây là buổi trưa, gọi là trung ngọ. Tuyệt đối không được qua giờ ngọ; cho nên khất thực dùng cơm thông thường đều vào khoảng trước nửa tiếng là đến mười một giờ. Đây tuyệt đối không bao giờ bị quá giờ. Nếu như bạn dùng vào đúng ngay giờ ngọ, vậy thì chắc chắn bạn bị lố giờ. Đây đều thuộc về Giới luật, phải nghiêm khắc tuân hành, đây là quy tắc của Phật.

Thứ bảy là “**Mặc y phấn tảo**”, y phấn tảo chính là quần áo mà người khác đã vứt đi. Thời xưa, tài nguyên thiếu thốn, một bữa cơm thì còn dễ, người ta vẫn có thể bố thí cho bạn một chút nhưng y áo thì không dễ. Quần áo đều là làm theo lối thủ công, người khác mặc cũ rồi, rách rồi, họ không cần nữa, đem vứt đi. “Phấn tảo” tức là người ta vứt bỏ rồi, bạn có thể nhặt chúng về. Những thứ không dùng được thì không nhặt về, còn dùng được thì có thể cắt ra thành từng miếng rồi khâu chúng lại với nhau, chúng ta gọi đó là “cà sa”. Vải của chiếc cà sa này đều khác nhau, màu sắc cũng khác. Vì thế sau khi khâu thành một chiếc áo thì đem nó đi nhuộm, nhuộm thành màu cà phê. Trong các màu: đỏ, vàng, xanh, trắng, đen thì không được dùng màu trắng, chỉ được dùng màu đỏ, vàng, xanh, đen. Những màu này kết hợp với nhau gọi là màu cà sa, những màu này Phật cho phép chúng ta mặc. Đây là kể về nguồn gốc của chiếc áo thời xưa, chính là như vậy mà có.

Thứ chín là “**Ngồi nơi mồ mả**”. Ngồi xuống nghỉ ngơi, ngồi ở đâu vậy? Ngồi nơi mồ mả, nghĩa địa. Để làm gì? Để dẫn khởi tính cảnh giác của chúng ta. Bạn xem, người này qua đời rồi, được chôn cất ở nơi này. Phải nghĩ đến mai này ta cũng y như vậy, như thế mới có thể khích lệ bản thân tinh tấn không lười biếng. Nếu đã xuất gia rồi, cả đời này nhất định phải có thành tựu, đời sau quyết định không được tiếp tục xoay vần trong sáu nẻo luân hồi nữa. Tiểu Thừa là lấy việc “Thoát khỏi sáu nẻo luân hồi” làm mục tiêu, còn Đại Thừa là lấy “Minh tâm kiến tánh” làm mục tiêu. Minh tâm kiến tánh khó, thoát khỏi Lục đạo tương đối dễ hơn. Chỉ cần buông bỏ chấp trước, buông bỏ kiến tư phiền não liền có thể siêu việt sáu nẻo luân hồi. Vì thế, mọi người chọn mỗi ngày đều ngồi ở nghĩa địa.

Thứ mười là “**Ngủ dưới gốc cây**”. Buổi tối lúc đi ngủ sẽ đến dưới gốc cây, ngủ một đêm ở đó, đây là quy định của Phật. Đến ngày hôm sau thì sao? Ngày hôm sau phải tìm một gốc cây khác, không được phép ở cùng một cây. Vì đều sợ bạn khởi tâm tham, khởi lên lòng yêu thích; cái cây này lớn nhiều bóng mát, ngồi ở đây dễ chịu. Do đó, Phật chỉ cho phép được trú một ngày, đến ngày thứ hai phải đổi một nơi khác, không được ở cùng một nơi. Phật chính là muốn dạy chúng ta: làm thế nào để buông bỏ “Tham-Sân-Si-Mạn”. Mục đích chính là như vậy, chúng ta không thể không biết.

Thứ mười một là “**Ngồi nơi đất trống**”, đất trống tức là nơi không có mái che. Chúng ta thường thích ở dưới gốc cây, nơi có cây cối rất tốt; đất trống chẳng hề có cây cối gì.

Thứ mười hai là “**Chỉ ngồi không nằm**”, chúng ta hay nói là “***Không có ngả lưng***”. Buổi tối ngủ dưới gốc cây, không có nằm xuống mà ngủ, thường ngồi không nằm.

“**Dùng các khổ hạnh ấy tảo trừ thân tâm**”, dùng mười hai loại này. Mười hai loại này gọi là khổ hạnh, là tiêu chuẩn khổ hạnh trong Phật Pháp. Mục đích nhằm đoạn trừ phiền não, cũng tức là phân biệt, chấp trước; đặc biệt là chấp trước, không còn chấp trước nữa. Đối với hết thảy pháp đều nhìn bằng con mắt bình đẳng, Tôn giả Ca Diếp đến lúc tuổi già vẫn giữ nguyên các hạnh ấy. Đức Phật nhìn thấy Ngài đã lớn tuổi quá rồi, khuyên Ngài nên nghỉ ngơi nhưng Ngài vẫn kiên trì đến cùng. Phật bèn tán thán “**Có hạnh Đầu Đà, Pháp của ta trường tồn lâu dài**”, do vậy bảo Ngài “**Hành Đầu Đà bậc nhất**”, cũng tức là Ngài chân thật làm được.

“**Lấy giới làm thầy, lấy khổ làm thầy**”, những việc này là Tôn giả Ca Diếp làm cho chúng ta xem. Đoạn này giới thiệu về cuộc sống hằng ngày của ngài Ca Diếp, phần sau có một đoạn nói về thành tựu tu hành của Tôn giả Ca Diếp. Ngài là người truyền thừa pháp môn Thiền Tông, là bậc Sơ tổ trong Thiền Tông.

Hôm nay thời gian tới rồi, chúng ta học đến chỗ này.

**A Di Đà Phật.**

**NHẤT MÔN THÂM NHẬP-TRƯỜNG KỲ HUÂN TU**

**LÃO THẬT NIỆM PHẬT**

**BUÔNG XẢ VẠN DUYÊN**

**NHẤT TÂM NIỆM PHẬT-CẦU SANH TỊNH ĐỘ**

**THÀNH THẬT- NGHE LỜI – THẬT LÀM**

***XIN THƯỜNG NIỆM***

**A DI ĐÀ PHẬT-A DI ĐÀ PHẬT-A DI ĐÀ PHẬT**

